TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2023, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thảo N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Đức Miên T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Chị Hoàng Thị Thảo N và anh Lê Đức Miên T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/8/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn, anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Ngọc D, sinh ngày 21/12/2011 và cháu Lê Thảo M, sinh ngày 13/10/2020. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Đức Miên T không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thảo N và anh Lê Đức Miên T hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị N được ly hôn đối với anh T; giao cháu Lê Hoàng Ngọc D và Lê Thảo M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp "*Ly hôn và con chung*" đối với anh Lê Đức Miên T (cư trú tại xã E, thành phố B), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Thảo N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Đức Miên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay; anh Lê Đức Miên T không tham gia tố tụng thể hiện việc không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Ngọc D, sinh ngày 21/12/2011 và cháu Lê Thảo M, sinh ngày 13/10/2020. Xét yêu cầu

của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chung nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thảo N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thảo N được ly hôn đối với anh Lê Đức Miên T.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Hoàng Ngọc D, sinh ngày 21/12/2011 và cháu Lê Thảo M, sinh ngày 13/10/2020 cho chị Hoàng Thị Thảo N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0001826 ngày 27/4/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng